ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 741/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 04 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định 24/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 3075/BNV-CCVC ngày 04/7/2018 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Công văn số 4647/BNV-CCVC ngày 18/9/2018 của Bộ Nội vụ về việc tăng chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018; Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018;

Theo đề nghị của Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018 tại Tờ trình số 24/TTr-HĐTNN ngày 04/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018, theo Danh sách đính kèm.

Điều 2. Giao Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018 thông báo kết quả cho thí sinh theo

đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Tổng cục Quản lý Thị trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Thị trường Đắk Lắk;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Ph 40b).

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2018
NHÓM NGẠCH CHUYÊN VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..741.../QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	CV-001	Đặng Phương	An		1984	Cán sự	Văn phòng HĐND tỉnh	81,50	80	72	Miễn thi
2	CV-002	Lê Tuấn	Anh	1982		Cán sự phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Buôn Đôn	78,00	65	40	86
3	CV-003	Hồ Vũ Tuấn	Anh	1989		Cán sự phòng Quản lý Xuất nhập khẩu	Sở Công thương	76,75	80	68	Miễn thi
4	CV-004	Lê Thị Kim	Anh		1972	Cán sự Phòng Y tế	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	81,25	95	44	Miễn thi
5	CV-005	Dương Thị Ngọc	Bích		1987	Cán sự Phòng Kế hoạch Tài chính	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	79,50	90	68	Miễn thi
6	CV-006	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		1981	Cán sự Chi cục An toàn, vệ sinh thực phẩm	Sở Y tế	74,50	95	48	Miễn thi
7	CV-007	Bạch Thị	Biên		1985	Công chức Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện M'Đrắk	81,50	85	72	Miễn thi
8	CV-008	Trần Văn	Bình	1987		Cán sự Phòng LĐTB&XH	UBND huyện Ea Súp	81,25	95	48	86
9	CV-009	Phạm Văn	Bường	1980		Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Krông Ana	71,25	100	76	Miễn thi
10	CV-010	Y Glen	Byă	1972		Cán sự Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	54,00	75	48	Miễn thi
11	CV-011	Y Thiu	Byă	1978		Phó Trưởng phòng Tư pháp	UBND huyện Buôn Đôn	77,00	85	72	Miễn thi
12	CV-012	Y Phúc	Byă	1986		Cán sự phòng Quản lý giá công sản	Sở Tài chính	61,75	60	Miễn thi	Miễn thi
13	CV-013	Lê Phước	Cảnh	1981		Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên - Môi trường	UBND huyện Krông Bông	80,25	100	80	Miễn thi
14	CV-014	Trần Thị	Châu		1970	Nhân viên Văn phòng HĐND &UBND	UBND huyện Ea Kar	61,00	60	40	Miễn thi
15	CV-015	Lê Minh	Chiến	1971		Cán sự Phòng Tư pháp	UBND huyện Buôn Đôn	64,75	75	72	Miễn thi
16	CV-016	Nguyễn Đức	Chiều	1978		Cán sự Phòng Y tế	UBND huyện Ea Súp	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi
17	CV-017	Bùi Đức	Chính	1974		Phó Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Ea H'Leo	70,25	80	68	84
18	CV-018	Trần Văn	Chính	1978		Cán sự Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	UBND huyện Cư M'gar	50,00	60	60	Miễn thi
19	CV-019	Phạm Trung	Công	1971		Trưởng Đài Truyền thanh huyện	UBND huyện Cư Kuin	68,75	100	44	Miễn thi
20	CV-020	Đậu Văn	Cường	1989		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Cư Kuin	53,25	95	56	88

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
21	CV-021	Hồ Sỹ Quốc	Cường	1989		Cán sự Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Krông Bông	74,25	95	76	Miễn thi
22	CV-022	Nguyễn Ngọc	Đắc	1987		Cán sự VP.HĐND&UBND huyện	UBND huyện Krông Búk	89,50	95	52	Miễn thi
23	CV-023	Bùi Thị Trang	Đài		1990	Cán sự Phòng Y Tế	UBND huyện Krông Búk	83,50	100	76	82
24	CV-024	Nguyễn Tiến	Đàm	1981		Phó Chánh Văn phòng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi
25	CV-025	Huỳnh Thị	Đào		1986	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Krông Pắc	68,50	95	44	Miễn thi
26	CV-026	Bùi Thị	Đào		1969	Cán sự Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Ea Súp	79,50	90	80	Miễn thi
27	CV-027	Nguyễn Khắc	Đạt	1981		Trưởng phòng Quản lý Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ	66,50	90	60	Miễn thi
28	CV-028	Nguyễn Thị	Dịu		1987	Cán sự phòng Quản lý thương mại	Sở Công Thương	80,75	90	52	Miễn thi
29	CV-029	Trần Thị	Đóa		1988	Cán sự phòng Hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính	78,25	100	64	Miễn thi
30	CV-030	Nguyễn Trọng	Đông	1987		Cán sự phòng Quản lý giá công sản	Sở Tài chính	74,25	75	40	88
31	CV-031	Phùng Thị Thùy	Dung		1986	Cán sự Phòng NNPT&NT	UBND huyện Krông Búk	56,25	100	44	Miễn thi
32	CV-032	Trịnh Thị	Dung		1988	Cán sự	Sở Giáo dục và Đào tạo	55,75	100	40	Miễn thi
33	CV-033	Lê Việt	Dũng	1970		Công chức Phòng Dân tộc	UBND huyện M'Đrắk	47,50	100	40	Miễn thi
34	CV-034	Hồ Trung	Dũng	1977		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Pắc	53,25	85	32	74
35	CV-035	Nguyễn Văn	Dũng	1982		Cán sự	UBND huyện Krông Năng	75,50	75	76	Miễn thi
36	CV-036	Tô Văn	Dũng	1986		Cán sự Phòng Bảo trợ xã hội	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	85,75	100	60	Miễn thi
37	CV-037	Ngô Việt	Dũng	1986		Cán sự Phòng Kinh tế hạ tầng	UBND huyện Ea Kar	70,00	75	44	88
38	CV-038	Đinh Viễn	Dương	1989		Cán sự Phòng Tư pháp	UBND huyện Ea Súp	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi
39	CV-039	Nguyễn Hoàng	Dưỡng	1967		Phó Trưởng phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	29,50	95	44	Miễn thi
40	CV-040	Cao Ngọc	Duy	1982		Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	UBND huyện Buôn Đôn	83,50	85	72	Miễn thi
41	CV-041	Nguyễn Hồng	Duy	1983		Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Bông	90,25	100	76	Miễn thi
42	CV-042	Y Mú	ÊBan	1978		Cán sự Đội phát động quần chúng huyện	UBND huyện Cư M'gar	67,00	80	Miễn thi	Miễn thi
43	CV-043	H'Ler	Êban		1975	Phó Trưởng ban	Ban Dân tộc HĐND tỉnh	56,50	70	56	Miễn thi
44	CV-044	Nguyễn Thị Thúy	Hà		1982	Cán sự Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	61,50	95	40	82

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11
45	CV-045	Vũ Thị	Hà		1981	Công chức Phòng Kinh tế Hạ tầng	UBND huyện M'Đrắk	61,75	100	44	Miễn thi
46	CV-046	Đỗ Đình	Hạ	1982		Công chức Phòng Thanh tra	UBND huyện M'Đrắk	72,25	85	48	Miễn thi
47	CV-047	Nguyễn Đăng	Hải	1979		Đội phó Đội công tác PĐQC 253	UBND huyện Krông Ana	76,00	75	36	68
48	CV-048	Lê Trọng	Hải	1981		Cán sự phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	UBND huyện Cư Kuin	73,25	90	48	86
49	CV-049	Nguyễn Thanh	Hải	1982		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Cư Kuin	81,75	80	60	86
50	CV-050	Nguyễn Xuân	Hải	1983		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Pắc	78,00	70	Miễn thi	Miễn thi
51	CV-051	Nguyễn Thị Thanh	Hải		1983	Cán sự Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	85,25	80	52	78
52	CV-052	Vũ Thị Hồng	Hải		1984	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea H'Leo	82,00	85	60	Miễn thi
53	CV-053	Nguyễn Văn	Hân	1977		Cán sự Phòng Nghiệp vụ I	Thanh tra tỉnh	60,50	65	56	Miễn thi
54	CV-054	Hồ Thị	Hằng	1985		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Buôn Đôn	66,75	75	44	Miễn thi
55	CV-055	Bạch Thị Thúy	Hằng		1987	Công chức Phòng Nội vụ	UBND huyện M'Đrắk	84,25	90	48	Miễn thi
56	CV-056	Trần Thị Lệ	Hằng		1976	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea Kar	62,25	100	48	Miễn thi
57	CV-057	Phạm Thị	Hạt		1980	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Bông	78,00	75	48	Miễn thi
58	CV-058	Nguyễn Văn	Hậu	1988		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Lắk	83,75	90	48	Miễn thi
59	CV-059	H'Ning	Hđok		1976	Cán sự Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	39,50	75	48	Miễn thi
60	CV-060	Lê Sỹ Ngọc	Hiền	1982		Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Cư Kuin	74,00	80	52	Miễn thi
61	CV-061	Lê Thị Thu	Hiền	1987		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Ea H'Leo	87,00	90	48	Miễn thi
62	CV-062	Trần Thị	Hiền		1978	Cán Sự Văn phòng Sở	Sở Giao thông vận tải	66,50	90	44	Miễn thi
63	CV-063	Lê Thị	Hiền		1982	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin	83,50	90	56	Miễn thi
64	CV-064	Đặng	Hiệp	1980		Kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Cư Kuin	85,00	95	64	Miễn thi
65	CV-065	Lê Nữ	Hiệp	1986		Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Cư M'gar	67,25	70	52	Miễn thi
66	CV-066	Võ Thị Bích	Hiệp		1985	Cán sự VP.HĐND&UBND huyện	UBND huyện Krông Búk	63,00	95	88	Miễn thi
67	CV-067	Nguyễn Trung	Hiếu	1965		Cán sự Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Ea Súp	54,50	100	40	Miễn thi

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
68	CV-068	Nguyễn Xuân	Hiếu	1981		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Bông	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi
69	CV-069	Lê Thanh	Hiếu	1982		Cán sự Thanh tra Sở	Sở Xây dựng	80,50	100	52	Miễn thi
70	CV-070	Hoàng Trọng	Hiếu	1975		Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa Thông tin	UBND huyện Buôn Đôn	59,00	100	68	Miễn thi
71	CV-071	Nguyễn Thị	Hiệu		1985	Cán sự VP.HĐND&UBND huyện	UBND huyện Krông Búk	73,00	100	76	Miễn thi
72	CV-072	Nguyễn Tấn	Hổ	1986		Phó Trưởng phòng Thanh tra pháp chế, Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	86,50	90	84	80
73	CV-073	Tào Thị	Hoa		1983	Phó Trưởng phòng Phòng Y tế	UBND huyện Krông Ana	89,00	100	76	Miễn thi
74	CV-074	Ngô Xuân	Hòa	1984		Cán sự	Sở Thông tin và Truyền thông	64,50	100	Miễn thi	Miễn thi
75	CV-075	Đào Ngọc	Hoàng	1985		Công chức Phòng Tài nguyên và Moi trường	UBND huyện M'Đrắk	66,00	100	76	Miễn thi
76	CV-076	Trần Phúc	Hoàng	1985		Cán sự Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	UBND huyện Cư M'gar	73,50	70	68	76
77	CV-077	Phạm Tiến	Học	1986		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Krông Bông	83,50	95	Miễn thi	84
78	CV-078	Trần Thanh	Hồng	1967		Phó Chủ tịch HĐND huyện	UBND huyện Krông Bông	90,00	90	64	Miễn thi
79	CV-079	Hứa Quang	Hồng	1968		Phó Trưởng phòng Phòng Dân tộc thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ	76,00	90	76	Miễn thi
80	CV-080	Phạm Xuân	Hồng	1972		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Buôn Đôn	66,00	100	80	86
81	CV-081	Trần Thị Ánh	Hồng		1986	Cán sự Phòng Dân tộc	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	66,00	100	80	Miễn thi
82	CV-082	Phạm Thị Thu	Hồng		1983	Công chức Thanh tra huyện	UBND huyện Krông Ana	73,25	100	72	Miễn thi
83	CV-083	Hoàng Thị	Huế		1982	Cán sự Đội công tác 253	UBND huyện Ea H'Leo	62,00	100	68	Miễn thi
84	CV-084	Lê Phi	Hùng	1981		Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Ban Tôn giáo	Sở Nội vụ	90,50	95	64	Miễn thi
85	CV-085	Phạm Mai	Hùng	1986		Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Búk	86,00	100	76	Miễn thi
86	CV-086	Phạm Quốc	Hưng	1986		Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	74,75	95	84	86
87	CV-087	Lê Thị Thu	Hương		1985	Cán sự Phòng Tài Chính-Kế hoạch	UBND huyện Krông Búk	83,25	100	80	Miễn thi
88	CV-088	Nguyễn Đình	Hữu	1986		Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi trường	UBND huyện Krông Ana	69,00	100	68	Miễn thi

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
89	CV-089	Bùi Quốc	Huy	1974		Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Cư Kuin	69,25	100	72	Miễn thi
90	CV-090	Dương Thị Thu	Huyền		1978	Cán sự Phòng Nghiệp vụ II	Thanh tra tỉnh	82,00	100	64	Miễn thi
91	CV-091	Ung Phạm Kim	Huyền		1984	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư M'gar	58,00	60	Miễn thi	80
92	CV-092	Y Dai	Kbuôr	1979		Cán sự Đội phát động quần chúng huyện	UBND huyện Cư M'gar	53,75	60	Miễn thi	Miễn thi
93	CV-093	H' Wen	Kbuôr		1978	Cán sự Đội công tác phát động quần chúng	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	55,75	75	64	Miễn thi
94	CV-094	Y Thanh Niê	Kđăm	1981		Phó Trưởng phòng Phòng Lao động - Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện Krông Bông	63,00	50	68	Miễn thi
95	CV-095	Nguyễn Cao	Khôi	1972		Công chức	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	77,25	40	60	Miễn thi
96	CV-096	Nguyễn Duy	Khôi	1983		Cán sự Phòng Quản lý du lịch	Sở Văn Hóa, Thể thao và Du lịch	74,75	80	68	80
97	CV-097	Võ Thị	Khôi		1976	Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Buôn Đôn	49,25	85	76	Miễn thi
98	CV-098	Bùi Quốc	Khương	1962		Phó ban pháp chế Văn phòng HĐND -UBND huyện	UBND huyện Ea Súp	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi
99	CV-099	Nguyễn Văn	Kiệt	1988		Công chức phòng Lao động TB&XH	UBND huyện Buôn Đôn	66,75	95	80	86
100	CV-100	Hồ Thị	Kiều		1985	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Pắc	57,50	90	84	Miễn thi
101	CV-101	Nguyễn Thị Lệ	Kiều		1983	Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Cư Kuin	72,25	70	32	Miễn thi
102	CV-102	H Jeska	Knul		1990	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Pắc	71,75	70	80	Miễn thi
103	CV-103	H' Blanh	Knul		1979	Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Buôn Đôn	53,25	70	80	Miễn thi
104	CV-104	Nguyễn Văn	Lâm	1976		Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Ea Súp	63,75	80	84	Miễn thi
105	CV-105	Huỳnh Xuân	Lắm	1964		Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện	UBND huyện Ea Súp	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi
106	CV-106	Nguyễn Thị Tuyết	Lan		1979	Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Krông Bông	82,50	40	84	Miễn thi
107	CV-107	Vũ Thị	Lan		1982	Cán sự	UBND huyện Krông Năng	76,25	80	84	84
108	CV-108	Nguyễn Quý	Lành	1963		Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	UBND huyện Cư M'gar	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi
109	CV-109	Nguyễn Thị	Lê		1983	Cán Sự Văn phòng Sở	Sở Xây dựng	85,75	95	80	Miễn thi
110	CV-110	Nguyễn Thị Bích	Liên		1984	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Bông	80,00	95	84	Miễn thi
111	CV-111	Đinh Tấn	Linh	1986		Cán sự Phòng Tài chính và Kế hoạch	UBND huyện Cư M'gar	78,25	85	84	Miễn thi

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
112	CV-112	Nguyễn Thị Bích	Loan		1986	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Cư Kuin	64,25	75	88	Miễn thi
113	CV-113	Trần Thị Kim	Loan		1989	Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Ea Súp	68,00	95	60	Miễn thi
114	CV-114	Trần Thị Kim	Loan		1985	Cán sự	Sở Giáo dục và Đào tạo	62,75	65	56	82
115	CV-115	Lê Thành	Lộc	1985		Cán sự	UBND huyện Krông Năng	77,00	95	Miễn thi	84
116	CV-116	Lê Công	Lợi	1982		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Cư Kuin	76,50	85	76	Miễn thi
117	CV-117	Huỳnh Sơn	Long	1982		Cán sự Phòng GD&ĐT	UBND huyện Krông Búk	79,50	95	Miễn thi	Miễn thi
118	CV-118	Nguyễn Quý	Lương	1968		Nhân viên Thanh tra Sở	Sở Giao thông vận tải	79,00	80	72	82
119	CV-119	Đào Quang	Lượng	1974		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Lắk	75,50	90	84	Miễn thi
120	CV-120	Trương Thị	Lý		1982	Cán sự Phòng LĐTB&XH	UBND huyện Krông Búk	75,50	90	84	84
121	CV-121	Phạm Thị Sương	Mai		1984	Cán sự VP HĐND-UBND	UBND huyện Buôn Đôn	64,75	75	Miễn thi	Miễn thi
122	CV-122	Mai Thị Hoa	Mai		1982	Cán sự Thanh tra Sở	Sở Công Thương	75,75	95	84	Miễn thi
123	CV-123	Nguyễn Tấn	Mau	1979		Cán sự Phòng LĐTB&XH	UBND huyện Krông Búk	76,50	100	72	Miễn thi
124	CV-124	Đoàn Thị	Mến		1978	Cán sự Văn phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Bông	75,50	75	88	Miễn thi
125	CV-125	Phạm Bá	Minh	1988		Cán sự Phòng Quản lý đô thị thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ	73,50	65	60	80
126	CV-126	H' Pina	Mlô		1987	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND thị xã Buôn Hồ	73,00	70	72	Miễn thi
127	CV-127	Bùi Thị	Mỹ		1985	Cán sự Chi cục Bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	57,50	90	76	Miễn thi
128	CV-128	Phạm Văn	Nam	1971		Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Krông Búk	56,50	90	56	82
129	CV-129	Hồ Duy	Nam	1983		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Bông	83,25	100	92	82
130	CV-130	Lê Văn	Nam	1987		Cán sự Phòng Kinh tế và hạ tầng	UBND huyện Krông Pắc	88,00	90	68	84
131	CV-131	Lương Thị	Nết		1987	Cán sự Phòng GD&ĐT	UBND huyện Krông Búk	76,00	95	Miễn thi	Miễn thi
132	CV-132	Nguyễn Thị	Nga		1969	Phó Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	67,25	90	Miễn thi	Miễn thi
133	CV-133	Lê Thị Nguyệt	Nga		1983	Cán sự Chi cục An toàn, vệ sinh thực phẩm	Sở Y tế	78,00	80	64	Miễn thi
134	CV-134	Nguyễn Thị Hằng	Nga		1981	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Ea Kar	69,50	80	84	Miễn thi
135	CV-135	Nguyễn Thị Thanh	Nga		1981	Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Ea Kar	70,00	80	72	Miễn thi

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
136	CV-136	Bùi Thị	Ngà		1978	Cán sự Phòng BVCSTE&BĐG	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	79,00	85	Miễn thi	Miễn thi
137	CV-137	Đặng Quảng	Ngãi	1979		Cán sự Phòng LĐTB&XH	UBND huyện Krông Búk	70,50	95	56	Miễn thi
138	CV-138	Nguyễn Đình	Nghi	1973		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea Súp	75,00	55	36	Miễn thi
139	CV-139	Trương Đức	Nghị	1981		Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa Thông tin	UBND huyện Buôn Đôn	79,00	70	Miễn thi	Miễn thi
140	CV-140	Mai Viết	Nghị	1983		Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Krông Bông	88,75	50	Miễn thi	Miễn thi
141	CV-141	Trần Xuân	Nghĩa	1986		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Pắc	50,50	50	60	Miễn thi
142	CV-142	Trần Tiến	Ngọc	1980		Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện	UBND huyện Cư M'gar	83,50	65	64	Miễn thi
143	CV-143	Ngô Thị	Ngọc		1982	Cán sự Phòng GD&ĐT	UBND huyện Krông Búk	78,00	50	60	Miễn thi
144	CV-144	Đoàn Thị	Ngũ		1968	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Tư pháp	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi
145	CV-145	Hoàng Đức	Nguyên	1984		Cán sự Thanh tra Sở	Sở Giao thông vận tải	63,00	65	52	Miễn thi
146	CV-146	Nguyễn Minh	Nguyệt	1980		Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Krông Ana	75,00	100	36	Miễn thi
147	CV-147	Vũ Thị	Nguyệt		1982	Cán sự Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	83,50	80	56	78
148	CV-148	Võ Tú	Nguyệt		1984	Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Krông Pắc	89,50	70	52	Miễn thi
149	CV-149	Trần Thị	Nhàn	1984		Cán sự Phòng Y tế	UBND huyện Krông Năng	56,75	95	56	82
150	CV-150	Hà Nữ Thanh	Nhạn		1988	Cán sự Phòng Y tế	UBND huyện Cư Kuin	54,50	100	40	Miễn thi
151	CV-151	Trần	Nhị	1965		Nhân viên Phòng Quản trị Tài vụ	Văn phòng UBND tỉnh	43,25	95	36	80
152	CV-152	Nguyễn Thị Hạnh	Nhơn		1983	Cán sự Phòng Hành chính Tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	70,00	65	40	Miễn thi
153	CV-153	Lê Ngọc	Nhuận	1967		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Cư M'gar	49,75	60	60	Miễn thi
154	CV-154	Y Tuyên	Niê	1969		Phó Trưởng phòng Dân tộc	UBND huyện Krông Búk	50,75	65	48	Miễn thi
155	CV-155	Y Sel	Niê	1976		Cán sự Đội công tác 253	UBND thị xã Buôn Hồ	39,50	65	52	Miễn thi
156	CV-156	Y Khuyết	Niê	1978		Cán sự Văn phòng HĐND &UBND	UBND huyện Ea Kar	59,00	70	48	Miễn thi
157	CV-157	Y Khoan	Niê	1980		Cán sự Phòng Dân tộc	UBND huyện Ea Kar	53,50	75	52	Miễn thi
158	CV-158	H'Wiêr	Niê		1981	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	56,50	100	36	Miễn thi
159	CV-159	H' Lý	Niê		1980	Cán sự	Văn phòng UBND tỉnh	81,00	80	56	Miễn thi
160	CV-160	H' Binh	Niê		1984	Cán sự Phòng Giám sát, Kiểm tra và Xử lý sau thanh tra	Thanh tra tỉnh	76,00	85	44	Miễn thi

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11
161	CV-161	H' Rúp	Niê		1983	Cán sự Đội công tác phát động quần chúng	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	78,00	75	56	Miễn thi
162	CV-162	H'Win	Niê		1978	Cán sự phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Năng	43,00	85	56	Miễn thi
163	CV-163	Phan Thị Vec	Nơ		1980	Cán sự phòng Tin học thống kê	Sở Tài chính	61,50	95	Miễn thi	Miễn thi
164	CV-164	Vũ Trinh	Nữ		1981	Cán sự Phòng Giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	66,50	100	56	Miễn thi
165	CV-165	Võ Quốc	Oánh	1979		Phó trưởng phòng Quản lý thương mại	Sở Công Thương	74,50	90	68	Miễn thi
166	CV-166	Đặng Văn	Phong	1987		Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Cư Kuin	74,00	100	68	Miễn thi
167	CV-167	Nguyễn Văn	Phúc	1975		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Cư Kuin	75,00	90	68	Miễn thi
168	CV-168	Phan Văn	Phúc	1985		Cán sự Phòng Quản lý đô thị thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ	52,50	80	64	80
169	CV-169	Nguyễn Thị Lan	Phương		1982	Cán sự	Ban Dân tộc tỉnh	60,25	90	Miễn thi	Miễn thi
170	CV-170	Đỗ Thị Thanh	Phương		1988	Cán sự Văn phòng HĐND&UBND	UBND huyện Krông Pắc	66,75	75	52	Miễn thi
171	CV-171	Ngô Thị Thu	Phương		1983	Công chức Phòng Dân tộc	UBND huyện M'Đrắk	69,50	95	56	Miễn thi
172	CV-172	Ngô Điền	Phương	1982		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư M'gar	64,00	100	52	82
173	CV-173	Vũ Thị Mỹ	Phượng		1982	Phó Trưởng phòng Việc làm, An toàn lao động	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	83,25	100	60	Miễn thi
174	CV-174	Nguyễn Thị	Phượng		1966	Nhân viên Phòng Hành chính Tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	78,75	85	48	Miễn thi
175	CV-175	Nguyễn Trung	Quý	1984		Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	76,00	100	Miễn thi	Miễn thi
176	CV-176	Đoàn Thị	Quyên		1975	Cán sự	Văn phòng HĐND tỉnh	64,00	80	56	Miễn thi
177	CV-177	Đinh Thị	Quyên		1987	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi
178	CV-178	Vũ Bá	Quỳnh	1977		Cán sự Phòng Văn hóa Thông tin	UBND huyện Buôn Đôn	59,50	90	68	Miễn thi
179	CV-179	Tô Thị Thu	Sương		1985	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea Kar	68,50	95	72	Miễn thi
180	CV-180	Đinh Phúc	Tài	1984		Cán sự Phòng Tài chính- Kế hoạch	UBND huyện Krông Búk	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi
181	CV-181	Nguyễn Thị	Tài		1986	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư M'gar	56,75	50	56	Miễn thi
182	CV-182	Nguyễn Trọng	Tân	1985		Cán sự Văn phòng HĐND &UBND	UBND huyện Ea Kar	68,50	75	52	84

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11
183	CV-183	Vương Nguyên	Thạch	1985		Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Ea Kar	73,00	80	60	Miễn thi
184	CV-184	Nguyễn Thị	Thắm		1981	Cán sự phòng Quản lý giá công sản	Sở Tài chính	71,50	70	60	Miễn thi
185	CV-185	Nguyễn Thị	Thắm		1988	Cán sự Ban Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	78,00	75	60	84
186	CV-186	Nguyễn Sỹ	Thắng	1969		Cán sự Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Lắk	41,50	85	68	Miễn thi
187	CV-187	Nguyễn Thị	Thanh		1983	Cán sự Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	73,25	95	68	Miễn thi
188	CV-188	Nguyễn Thị	Thanh		1987	Cán sự Chi cục Văn thư - Lưu trữ	Sở Nội vụ	77,25	75	76	Miễn thi
189	CV-189	Phạm Thị	Thanh		1982	Phó Chánh văn phòng HĐND & UBND huyện	UBND huyện Krông Năng	89,50	75	60	Miễn thi
190	CV-190	Phạm Thị	Thanh		1983	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Cư M'gar	77,25	75	60	Miễn thi
191	CV-191	Bùi Hồng	Thành	1983		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Buôn Đôn	80,25	75	60	Miễn thi
192	CV-192	Nguyễn Tuấn	Thành	1986		Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Lắk	81,75	70	60	88
193	CV-193	Phạm Tấn	Thành	1988		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea H'Leo	84,00	90	Miễn thi	82
194	CV-194	Lê Thị Mỹ	Thành		1982	Cán sự Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	83,75	80	64	88
195	CV-195	Nguyễn Thị	Thành		1978	Công chức Văn phòng HĐND&UBND	UBND huyện M'Đrắk	46,25	90	80	Miễn thi
196	CV-196	Nguyễn Thị Hoài	Thao		1986	Cán sự Văn phòng HĐND&UBND thành phố	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	72,00	80	80	Miễn thi
197	CV-197	Phạm Thị Xuân	Thao		1987	Phó Trưởng phòng Phòng Y tế	UBND huyện Krông Búk	81,00	80	64	88
198	CV-198	Huỳnh Thị Thanh	Thảo		1987	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	76,25	75	Miễn thi	Miễn thi
199	CV-199	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		1983	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Lắk	79,75	100	76	Miễn thi
200	CV-200	Võ Đình	Thi	1986		Cán sự	Sở Xây dựng	61,25	85	80	88
201	CV-201	Phan Đức	Thọ	1973		Phó chánh Thanh tra	UBND huyện M'Đrắk	61,50	95	52	Miễn thi
202	CV-202	Hoàng Khắc	Thọ	1980		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Ea Súp	74,00	90	52	86
203	CV-203	Lại Thị	Thoa		1968	Phó phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND huyện Krông Năng	81,00	70	80	Miễn thi
204	CV-204	Lương	Thôi	1968		Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	UBND huyện Krông Bông	62,00	70	80	Miễn thi
205	CV-205	Phạm Văn	Thời	1975		Trưởng phòng Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea H'Leo	78,50	85	52	Miễn thi

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11
206	CV-206	Trần Văn	Thục	1970		Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Cư Kuin	84,00	100	56	Miễn thi
207	CV-207	Lê Thị	Thục		1986	Công chức Phòng Dân tộc	UBND huyện Buôn Đôn	81,50	90	48	Miễn thi
208	CV-208	Đặng Thị	Thương		1976	Cán sự Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Pắc	68,50	75	40	Miễn thi
209	CV-209	Lê Thị	Thúy		1989	Cán sự Chi cục Quản lý đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	69,25	65	56	88
210	CV-210	Phạm Thị	Thúy		1986	Cán sự Phòng Văn hóa -Thông tin	UBND thị xã Buôn Hồ	82,75	80	52	Miễn thi
211	CV-211	Phan Thị Thanh	Thúy		1981	Cán sự Văn phòng HĐND-UBND thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ	83,25	90	56	Miễn thi
212	CV-212	Đặng Thị	Thúy		1971	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Ana	78,25	95	80	88
213	CV-213	Nguyễn Thị	Thùy		1983	Công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện M'Đrắk	80,50	100	80	Miễn thi
214	CV-214	Nguyễn Thị Mộng	Thùy		1988	Cán sự VP.HĐND&UBND huyện	UBND huyện Krông Búk	84,00	90	76	Miễn thi
215	CV-215	Bùi Trường	Thủy	1985		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Krông Bông	68,00	90	60	Miễn thi
216	CV-216	Phạm Nữ Thu	Thủy		1980	Cán sự phòng Quản lý giá công sản	Sở Tài chính	72,00	95	64	Miễn thi
217	CV-217	Đinh Thị Thanh	Thủy		1984	Cán sự Phòng Quản lý du lịch	Sở Văn Hóa, Thể thao và Du lịch	67,50	90	56	86
218	CV-218	Trần Thị Thu	Thủy		1980	Cán sự Chi cục An toàn, vệ sinh thực phẩm	Sở Y tế	76,00	70	72	Miễn thi
219	CV-219	Phạm Thị Thu	Thủy		1985	Cán sự Phòng Tư pháp	UBND huyện Cư Kuin	71,75	55	56	Miễn thi
220	CV-220	Đặng Thị	Thủy		1985	Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin	70,50	65	60	Miễn thi
221	CV-221	Phạm Thị Thanh	Thủy		1984	Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Búk	75,75	70	56	Miễn thi
222	CV-222	Võ Xuân	Tiên	1978		Cán sự Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin	71,25	75	Miễn thi	Miễn thi
223	CV-223	Võ Anh	Tiến	1975		Cán sự Phòng Y tế	UBND huyện Krông Pắc	72,75	90	64	Miễn thi
224	CV-224	Lê Thương	Tín	1986		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND huyện Ea H'Leo	68,00	95	Miễn thi	88
225	CV-225	Võ Thị	Tình		1988	Công chức Văn phòng HĐND&UBND	UBND huyện M'Đrắk	73,00	100	64	Miễn thi
226	CV-226	Nguyễn Thị	Tình		1983	Công chức Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Ana	77,00	65	68	Miễn thi
227	CV-227	Phạm Minh	Toại	1981		Cán sự Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Lắk	77,00	75	32	Miễn thi
228	CV-228	Nguyễn Đại	Toàn	1977		Cán sự Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	UBND huyện Buôn Đôn	71,25	65	64	Miễn thi

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
229	CV-229	Trần Quốc	Toản	1978		Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Cư Kuin	74,00	70	68	Miễn thi
230	CV-230	Châu Thị Bích	Trang		1987	Cán sự phòng Y tế	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	48,00	65	72	86
231	CV-231	Đặng Thị Huyền	Trang		1986	Cán sự Phòng Lao động thương binh và xã hội	UBND huyện Cư Kuin	70,25	65	72	Miễn thi
232	CV-232	Nguyễn Thiện	Trí	1971		Phó Trưởng phòng Phòng Y tế	UBND huyện Cư M'gar	72,00	65	64	Miễn thi
233	CV-233	Phạm Đình	Trung	1975		Cán sự Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Búk	55,25	65	Miễn thi	82
234	CV-234	Trần Thanh	Tú	1978		Cán sự Văn phòng Sở	Sở Xây dựng	79,00	100	Miễn thi	Miễn thi
235	CV-235	Nguyễn Ngọc	Tú	1982		Cán sự Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND thị xã Buôn Hồ	79,00	95	76	Miễn thi
236	CV-236	Nguyễn Như	Tuân	1980		Cán sự	Sở Giao thông vận tải	73,50	50	64	Miễn thi
237	CV-237	Lê Hoàng Anh	Tuấn	1982		Phó Trưởng phòng Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	UBND huyện Buôn Đôn	73,50	80	Miễn thi	Miễn thi
238	CV-238	Phan Minh	Tuấn	1983		Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Buôn Đôn	74,50	70	60	88
239	CV-239	Lê Thị	Tuấn		1967	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	UBND huyện M'Đrắk	64,50	95	64	Miễn thi
240	CV-240	Lê Thị Ánh	Tuyết		1980	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	89,50	85	Miễn thi	Miễn thi
241	CV-241	Nguyễn Thị	Tuyết		1986	Cán sự Văn phòng Sở	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	89,00	85	68	Miễn thi
242	CV-242	Trần Thị Ngọc	Uyên		1982	Cán sự Phòng Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	89,00	75	68	Miễn thi
243	CV-243	Trần Thị	Vân		1989	Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	UBND huyện Ea Súp	70,00	80	68	Miễn thi
244	CV-244	Nguyễn Hữu	Vinh	1964		Chủ tịch Hội chữ thập đỏ huyện	UBND huyện Buôn Đôn	84,00	80	80	Miễn thi
245	CV-245	Lê Văn	Vinh	1979		Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Ea H'Leo	90,50	90	60	Miễn thi
246	CV-246	Đỗ Đức	Vinh	1985		Cán sự Phòng Nghiệp vụ II	Thanh tra tỉnh	87,50	100	64	Miễn thi
247	CV-247	Nguyễn Nhật	Vũ	1983		Cán sự phòng Y tế	UBND huyện Krông Pắc	79,00	90	64	Miễn thi
248	CV-248	Nguyễn Văn	Vương	1983		Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên Môi trường	UBND huyện Lắk	88,25	85	64	Miễn thi
249	CV-249	Hoàng Văn	Vỹ	1984		Cán sự VP.HĐND&UBND huyện	UBND huyện Krông Búk	85,75	100	48	Miễn thi
250	CV-250	Nguyễn Thành	Xuân	1986		Cán sự Phòng NNPT&NT	UBND huyện Krông Pắc	62,25	65	60	84
251	CV-251	Lê Thị Thanh	Xuân		1975	Phó Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Krông Bông	75,25	70	56	Miễn thi

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
252	CV-252	Mai Thị Thanh	Xuân		1987	Cán sự Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Búk	82,25	90	60	Miễn thi
253	CV-253	Trần Thị Kim	Xuyến		1986	Cán sự Thanh tra huyện	UBND huyện Lắk	86,25	90	80	Miễn thi

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2018
NHÓM NGẠCH KIỂM LÂM VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 791 .../QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	KL-001	Trần Đức	Hoá	1985		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Cư M'gar, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	73,25	75	60	Miễn thi
2	KL-002	Lê	Hưng	1977		Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Ea Súp, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	82,00	80	60	Miễn thi
3	KL-003	Lê Thị	Lan		1987	Chuyên viên Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	80,25	80	60	Miễn thi
4	KL-004	Hồ Văn	Lành	1982		Nhân viên Đội KLCĐ&PCCCR số 3, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	80,50	70	64	Miễn thi
5	KL-005	Châu Văn	Lộc	1975		Nhân viên Hạt Kiểm lâm thành phố Buôn Ma Thuột, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51,25	70	64	Miễn thi
6	KL-006	Bùi Xuân	Long	1984		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	63,50	70	60	74
7	KL-007	Y Năm	Mlô	1983		Nhân viên Đội KLCĐ&PCCCR số 1, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36,00	85	68	Miễn thi
8	KL-008	Phan Trọng	Nghĩa	1972		Nhân viên Hạt Kiểm lâm thành phố Buôn Ma Thuột, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	74,25	95	72	Miễn thi
9	KL-009	Nguyễn Đức	Ngọc	1986		Nhân viên Đội KLCĐ&PCCCR số 3, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	79,25	80	68	Miễn thi
10	KL-010	Y Ký	Niê	1979		Đội KLCĐ&PCCCR số 2, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	77,25	75	64	Miễn thi

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
11	KL-011	Y Zôn	Niê	1986		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	80,25	60	80	Miễn thi
12	KL-012	Nguyễn Văn	Phước	1972		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	73,50	65	68	Miễn thi
13	KL-013	Nguyễn Văn	Phương	1983		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	78,50	55	56	84
14	KL-014	Nguyễn Văn	Quân	1974		Nhân viên Hạt kiểm lâm huyện Cư M'gar, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	79,25	65	56	84
15	KL-015	Mai Gia	Quyến	1976		Trạm trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	79,25	60	56	Miễn thi
16	KL-016	Lê Ngọc	Tam	1973		Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện M'Đrắk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88,50	65	64	Miễn thi
17	KL-017	Bùi Quốc	Thắng	1981		Nhân viên Hạt Kiểm lâm TP BMT, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88,25	75	60	Miễn thi
18	KL-018	Lê Tân	Thạnh	1978		Nhân viên Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	79,00	90	60	Miễn thi
19	KL-019	Trần Đình	Thu	1983		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn,Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	90,50	80	72	Miễn thi
20	KL-020	Hoàng Quốc	Thư	1988		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	93,50	80	76	88
21	KL-021	Trịnh Ngọc	Trí	1980		Nhân viên Hạt Kiểm lâm thành phố Buôn Ma Thuột, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	87,75	95	68	Miễn thi
22	KL-022	Triệu Văn	Truyền	1988		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Ea Kar, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	85,50	75	68	86
23	KL-023	Nguyễn Thanh	Tuấn	1981		Nhân viên Hạt Kiểm lâm huyện Cư M'gar, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	70,50	60	76	Miễn thi

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
			Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
24	KL-024	Trần Văn Tùng	1984		Phó Đội trưởng Đội KLCĐ&PCCCR số 2, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	81,00	75	64	Miễn thi

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2018
NHÓM NGẠCH KIỂM SOÁT VIÊN THỊ TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...741.../QĐ-UBND ngày ...04/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	QL-001	Y Kiơng	Ayun	1985		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	84,25	55	Miễn thi	Miễn thi
2	QL-002	Nguyễn Thu	Đông	1978		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	84,50	75	52	Miễn thi
3	QL-003	Trần Sỹ	Hùng	1970		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	78,75	80	48	Miễn thi
4	QL-004	Trần Văn	Khoa	1970		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	56,75	75	52	Miễn thi
5	QL-005	Y Mai	Mlô	1978		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	60,50	50	48	Miễn thi
6	QL-006	Triệu Hoàng	Phương	1983		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	74,75	60	44	84
7	QL-007	Nguyễn Công	Quân	1983		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	84,25	85	64	Miễn thi
8	QL-008	Đỗ Thanh	Quỳnh	1986		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	78,50	75	64	Miễn thi
9	QL-009	Dương Anh	Tuấn	1982		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	44,75	55	56	84
10	QL-010	Nguyễn Văn	Tùng	1983		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	63,75	70	Miễn thi	Miễn thi
11	QL-011	Phan Thị Ánh	Tuyết		1981	Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	68,00	85	56	Miễn thi
12	QL-012	Nguyễn Chí	Vương	1981		Kiểm soát viên Trung cấp	Cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	54,00	80	52	Miễn thi

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2018
NHÓM NGẠCH KẾ TOÁN VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm			
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	KT-001	Trần Thị	Bích		1985	Nhân viên Đội KLCĐ&PCCCR số 1, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51,50	30	48	84
2	KT-002	Nguyễn Thị	Hà		1985	Công chức phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Ủy ban nhân dân huyện M'Drắk	83,75	55	36	Miễn thi
3	KT-003	Lê Thị Thuý	Hằng		1986	Nhân viên Văn phòng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	56,75	85	48	Miễn thi
4	KT-004	Châu Thị Thúy	Hằng		1980	Kế toán VPUBND &HĐND	UBND huyện Ea Kar	58,00	45	48	Miễn thi
5	KT-005	Lê Thị Thu	Hồng		1984	Kế toán Phòng Hành chính - Tổng hợp, Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60,25	45	40	Miễn thi
6	KT-006	Nguyễn Văn	Hùng	1978		Kế toán Thanh tra huyện	UBND huyện Ea H'leo	62,50	70	40	Miễn thi
7	KT-007	Phạm Thị Lan	Hương		1983	KTV trung cấp phòng Văn hóa Thông tin	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	63,50	55	52	84
8	KT-008	H'Nguyệt	Niê		1986	Nhân viên Hạt kiểm lâm Buôn Ma Thuột, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	39,75	55	56	Miễn thi
9	KT-009	H'Rê Mi Niê	Siêng		1984	Nhân viên Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	54,75	50	60	Miễn thi
10	KT-010	Nguyễn Thị Biên	Thuỳ		1988	Nhân viên Hạt kiểm lâm huyện Cư M'gar, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	75,75	55	60	Miễn thi
11	KT-011	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên		1986	Nhân viên Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50,50	45	44	Miễn thi